

PART 2: CÂU HỎI WHO?



1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

Câu hỏi với WHO hỏi về người:

- Ai là người nào/ như thế nào?
- Ai đã/ đang/ sẽ làm việc gì?

2. CÁC ĐÁP ÁN ĐÚNG

2.1. Trả lời trực tiếp

Trả lời với tên riêng

Q: Who's working at the front desk today?

Ai đang làm việc ở quầy lễ tân hôm nay thế?

(A) That's a difficult request.

Đó là một yêu cầu khó đấy.

(B) It's Katie Miller.

Là Katie Miller.

(C) Make room on your desk.

Dọn chỗ trên bàn anh đi nhé.

Trả lời với tên phòng ban

Q: Who should I assign this task to?

Tôi nên giao việc này cho ai nhỉ?

(A) Someone in marketing.

Ai đó ở phòng marketing.

(B) I'll finish it by Tuesday.

Tôi sẽ hoàn thành muộn nhất vào thứ Ba.

(C) Please sign here.

Vui lòng ký vào đây.

Trả lời bằng tên chức danh,
nghề nghiệp

Q: Who's speaking at tonight's opening ceremony?

Ai sẽ nói ở buổi khai mạc tối nay?

(A) Front row seats.

Hàng ghế đầu.

(B) Mr. Gibson will close the door.

Ông Gibson sẽ đóng cửa.

(C) A famous novelist.

Một tiểu thuyết gia nổi tiếng.

Trả lời bằng tên công ty

Q: Who won the bid for the project?

Ai đã trúng thầu dự án này vậy?

(A) It was a very close game.

Đó là một trận đấu rất xuất sắc.

(B) The Far East Construction Corporation.

Tập đoàn xây dựng Viễn Đông.

(C) A little bit longer than I expected.

Hơi lâu hơn tôi nghĩ một tí.

Trả lời bằng đại từ nhân xưng

Q: Who wrote this article?

Ai viết bài này đây?

(A) It was so interesting.

Nó rất thú vị đấy.

(B) Actually, I did.

Thực ra là tôi viết.

(C) Yes, I rode a horse.

Vâng, tôi đã cưỡi ngựa.

2.1. Trả lời gián tiếp

Q: Who had lunch delivered to the office today?

Ai đã đặt bữa trưa đến văn phòng hôm nay đây?

(A) Ms. Adams will.

Cô Adams sẽ đặt.

(B) I don't know since I've just arrived.

Tớ không biết vì tớ mới đến thôi.

(C) In the meeting room.

Trong phòng họp.

Trả lời tôi không biết

**Trả lời liên quan
đến bên thứ ba
hoặc hành động
tiếp theo**

Q: Who should I talk to about the return policy?

Tôi nên nói chuyện với ai về chính sách đổi trả?

(A) Try this number.

Thử gọi số này xem.

(B) I won't be back until tomorrow.

Tôi sẽ không quay lại cho đến mai.

(C) It's still under warranty.

Nó vẫn được bảo hành.

3. CÁC ĐÁP ÁN SAI

- Câu trả lời bắt đầu với Yes/ No

Q: Who wrote this article?

Ai viết bài này đây?

A: Yes, I rode a horse.

Vâng, tôi đã cưỡi ngựa.

- Câu trả lời bắt đầu với Yes/ No

Q: Who wrote this article?

Ai viết bài này đây?

A: Yes, I rode a horse.

Vâng, tôi đã cưỡi ngựa.

=> Với dạng câu hỏi WHO nói riêng và câu hỏi 5W1H nói chung, bất cứ câu trả lời nào bắt đầu với Yes/ No đều có thể LOẠI ngay.

- Câu trả lời lặp lại từ trong câu hỏi hoặc chứa từ phát âm gần giống từ trong câu hỏi.

Q: Who should I assign this task to?

Tôi nên giao việc này cho ai nhỉ?

A: Please sign here.

Vui lòng ký vào đây.

- Câu trả lời lặp lại từ trong câu hỏi hoặc chứa từ phát âm gần giống từ trong câu hỏi.

Q: Who should I assign this task to?

Tôi nên giao việc này cho ai nhỉ?

A: Please sign here.

Vui lòng ký vào đây.

=> Từ **sign** và **assign** phát âm khá giống nhau nên người nghe sẽ dễ lầm tưởng là câu trả lời có liên quan đến câu hỏi, nhưng thực chất đây chỉ là 1 cái bẫy.

- Câu trả lời bắt đầu với giới từ

Q: Who had lunch delivered to the office today?

Ai đã đặt bữa trưa đến văn phòng hôm nay??

A: In the meeting room.

Trong phòng họp.

- Câu trả lời bắt đầu với giới từ

Q: Who had lunch delivered to the office today?

Ai đã đặt bữa trưa đến văn phòng hôm nay??

A: In the meeting room.

Trong phòng họp.

=> Cụm bắt đầu bằng giới từ thường nói về thời gian, địa điểm, cách thức... không trả lời cho câu hỏi ai?. Câu trả lời cho câu hỏi Who phải là 1 cụm danh từ, 1 câu hoàn chỉnh (có đầy đủ chủ vị) hoặc câu mệnh lệnh bắt đầu với động từ. Các đáp án bắt đầu với giới từ có thể **LOẠI** luôn.

LUYỆN TẬP



➤ Khi nghe câu hỏi:

Với các bạn kỹ năng nghe đã tốt, ta cố gắng nghe hết câu, hiểu toàn bộ ý câu hỏi.

Với các bạn kỹ năng nghe ở mức trung bình, ta cố gắng nghe xem câu có **từ để hỏi** không, là gì, **động từ** và **danh từ** để xác định ý của câu hỏi.

➤ Khi nghe câu hỏi:

Với các bạn kỹ năng nghe đã tốt, ta cố gắng nghe hết câu, hiểu toàn bộ ý câu hỏi.

Với các bạn kỹ năng nghe ở mức trung bình, ta cố gắng nghe xem câu có **từ để hỏi** không, là gì, **động từ** và **danh từ** để xác định ý của câu hỏi.

Q: Who's leading the focus group meeting on Friday?

➤ Khi nghe câu hỏi:

Với các bạn kỹ năng nghe đã tốt, ta cố gắng nghe hết câu, hiểu toàn bộ ý câu hỏi.

Với các bạn kỹ năng nghe ở mức trung bình, ta cố gắng nghe xem câu có **từ để hỏi** không, là gì, **động từ** và **danh từ** để xác định ý của câu hỏi.

Hỏi về người (v) lãnh đạo

(N) cuộc họp

Q: **Who's leading the focus group meeting on Friday?**

➤ Khi nghe câu hỏi:

Với các bạn kỹ năng nghe đã tốt, ta cố gắng nghe hết câu, hiểu toàn bộ ý câu hỏi.

Với các bạn kỹ năng nghe ở mức trung bình, ta cố gắng nghe xem câu có **từ để hỏi** không, là gì, **động từ** và **danh từ** để xác định ý của câu hỏi.

Hỏi về người (v) lãnh đạo (N) cuộc họp

Q: **Who's leading the focus group meeting on Friday?**

=> Ý chính: Ai lãnh đạo cuộc họp?

Dịch: Ai sẽ chủ trì buổi họp nhóm tập trung vào thứ Sáu?

➤ Khi nghe đáp án:

Đặt bút/ chuột vào đáp án đang được phát.

Nếu thấy đúng, giữ nguyên vị trí, nếu sai di chuyển sang đáp án tiếp theo.

Vị trí cuối cùng là câu mình sẽ chọn.

Kết hợp loại trừ + chọn câu đúng.

Q: Who's leading the focus group meeting on Friday?

Ai chủ trì buổi họp nhóm tập trung vào thứ Sáu?

(A) In the second - floor conference room.

Xuất hiện giới từ "in" => Loại (Di chuyển bút sang đáp án B)

Q: Who's leading the focus group meeting on Friday?

Ai chủ trì buổi họp nhóm tập trung vào thứ Sáu?

(A) In the second - floor conference room.

Xuất hiện giới từ "in" => Loại

(B) John is making those assignments.

Có tên riêng + động từ => Chọn (Giữ bút tại vị trí này)

Q: Who's leading the focus group meeting on Friday?

Ai chủ trì buổi họp nhóm tập trung vào thứ Sáu?

(A) In the second - floor conference room.

Xuất hiện giới từ "in" => Loại

(B) John is making those assignments.

Có tên riêng + động từ => Chọn

(C) At the management seminar.

Xuất hiện giới từ "at" => Loại (Vẫn giữ bút tại B)

Q: Who's leading the focus group meeting on Friday?

Ai chủ trì buổi họp nhóm tập trung vào thứ Sáu?

(A) In the second - floor conference room.

Ở phòng họp tầng hai.

(B) John is making those assignments.

John đang làm nhiệm vụ đó.

(C) At the management seminar.

Ở buổi hội thảo quản lý.

Q: Who's leading the focus group **meeting on Friday?**

Ai chủ trì buổi họp nhóm tập trung vào thứ Sáu?

(A) In the second - floor **conference room.**

Ở phòng họp tầng hai.

(B) John is making those assignments.

John đang làm nhiệm vụ đó.

(C) At the management **seminar.**

Ở buổi hội thảo quản lý.

Lưu ý: câu (A) và (C) có dùng từ **conference** và **seminar** có liên quan đến từ **meeting** trong câu hỏi để gây nhầm lẫn. Người nghe cần hết sức chú ý với câu trả lời bắt đầu với giới từ.